

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 tháng 8 năm 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.
Bà Nguyễn Thị Bẩy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

HKTT: Khu phố Đ, Phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang cư trú tại: Lãnh thổ Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp sau tại Tòa án, anh Phạm Văn Q là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Anh và chị Phạm Thị H, sinh năm 1987 kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình anh tại khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trong thời gian chị H ở Việt Nam vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2016, anh chị bàn bạc thống nhất để chị H đi lao động tại Đài Loan, phát triển kinh tế gia đình. Thời gian đầu chị H vẫn

thường xuyên liên lạc, hỏi thăm gia đình thông qua mạng xã hội. Từ khi đi đến nay chị H cũng có gửi tiền về cho anh để chăm sóc gia đình nhưng chỉ được 2-3 lần. Đến năm 2019, chị H hết hợp đồng lao động tại Đài Loan, chị có về nhà thăm gia đình, anh có bàn với chị H là về Việt Nam để chăm sóc cho gia đình, con cái. Lúc đầu chị H đồng ý, nhưng sau đó lại thay đổi, không đồng ý và ở Đài Loan cho đến nay. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết được. Nay, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Phạm Văn B, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 21/5/2009. Hiện tại hai cháu đang sinh sống cùng anh, sức khỏe hai cháu tốt, phát triển bình thường. Cháu B hiện đang học lớp 9, cháu T đang học lớp 6 cùng tại trường Trung học cơ sở phường C. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Hiện tại anh làm công việc tự do mức thu nhập hàng tháng của anh khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Hiện tại vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh chị, nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị H đã được Tòa án gửi Thông báo về việc giải quyết vụ án và Văn bản mô tả câu hỏi thông qua người thân tại Việt Nam. Tuy nhiên, chị H không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Văn Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, các đương sự không thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị Phạm Thị H. Giao con chung là cháu Phạm Văn B, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 21/5/2009 cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn Q có đơn yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị H, có HKTT tại khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Hiện chị H đang cư trú và làm việc tại lãnh thổ Đài Loan, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý, bản mô tả câu hỏi, thời gian tiến hành tố tụng cho chị H thông qua người thân tại Việt Nam. Tuy nhiên, chị H không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị H kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối; đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Q và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Q thì thấy: Sau khi kết hôn, anh Q và chị H sống chung cùng gia đình anh Q tại khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 12 năm 2016, anh chị bàn bạc thống nhất để chị H đi lao động tại Đài Loan, phát triển kinh tế gia đình. Thời gian đầu chị H vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm gia đình thông qua mạng xã hội. Đến năm 2019, chị H hết hợp đồng lao động tại Đài Loan, chị về nhà thăm gia đình, anh Q có bàn với chị H là về Việt Nam để chăm sóc cho gia đình, con cái, nhưng chị H không đồng ý, chị muốn ở lại kiếm tiền chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết được. Qua xác minh tại gia đình chị H thì bà Trần Thị H là mẹ đẻ chị H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh Q, chị H là có thật, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, vợ chồng không cùng quan điểm. Anh Q yêu cầu được ly hôn, chị H không thể hiện quan điểm, cũng không đưa ra phương án để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Q và chị H đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Q với chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Phạm Văn B, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 21/5/2009. Hiện tại hai cháu đang sinh sống cùng anh Q, sức khỏe hai cháu tốt, phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh Q đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu. Chị H không thể hiện quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị H đang cư trú và làm việc ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cuộc sống, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống của con chung, cần giao cả hai cháu Phạm Văn B và cháu Phạm Văn T cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với

điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn, đảm bảo được lợi ích của con chung. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của anh Q cần được chấp nhận. Cấp dưỡng nuôi con, anh Q không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí và lệ phí Tòa án: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 29, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn B, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 21/5/2009 là con chung của Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị H cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị Phạm Thị H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0004665 ngày 07/7/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp